

Bản án số: 68/2019/HS-ST
Ngày 29-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Kim San

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 492/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh ngày 17/10/1968 tại Hà Tĩnh. ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Q (đều đã chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: 03 tiền án:

- Bản án số 102/HSPT1 ngày 04/01/1992 Tòa án quân sự cấp cao xử phạt 19 năm tù giam về tội Chiếm đoạt, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng và Đào ngũ. Chưa được xóa án tích;

- Bản án số 10/HSST ngày 29/9/1994 Tòa án quân sự Quân khu 4 xử phạt 08 năm tù giam về tội Trốn khỏi nơi giam và Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, cộng 19 năm tù giam theo bản án số 102/HSPT1, tổng hợp 02 bản án là 20 năm tù giam. Chưa được xóa án tích;

- Bản án số 06/HSST ngày 16/7/1996, Tòa án quân sự Quân khu 4 xử phạt 19 năm tù giam về tội Trốn khỏi nơi giam, Trộm cắp tài sản XHCN và Trộm cắp tài sản của công dân, cộng 20 năm tù giam theo bản án số 10/HSST, tổng hợp hình phạt 02 bản án là 20 năm tù giam. Chưa được xóa án tích;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2018 đến ngày 28/11/2018 chuyển Tạm giam; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Duy Nhân - Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Nhân và công sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 20/11/2018, tại khu vực ngã 3 Nông trường tỉnh lộ 355 thuộc Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng kết hợp với cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an, cục Hải quan thành phố Hải Phòng và Công an quận D phát hiện bắt quả tang Lê Văn S có dấu hiệu vận chuyển trái phép chất ma túy tại khu vực ngã ba Nông trường tỉnh lộ 355 thuộc tổ dân phố N, phường A, quận D, Hải Phòng khi S chuẩn bị lên xe taxi BKS 15A – 426.69. Tang vật thu giữ của Lê Văn S bao gồm 06 (sáu) bọc túi nilon màu vàng, bên ngoài có chữ dạng Trung Quốc được quấn bằng băng dính màu trắng, trong mỗi bọc đều có một túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn S; 01 ba lô màu đen xám; 02 quần dài kaki và số tiền 3.200.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định các túi nilon chứa tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Văn S. Tại bản kết luận giám định số 616/KLGD(Đ6) ngày 23/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 06 bọc túi nilon đều chứa ma túy, trong đó 01 bọc chứa chất tinh thể màu trắng có khối lượng 983,04 gam là loại Kentamine và 05 bọc chứa chất tinh thể màu trắng là loại Methamphetamine có tổng khối lượng là 4970,29 gam.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn S khai nhận: Cách ngày bị bắt khoảng 02 năm, Lê Văn S làm thuê bên Lào có quen người đàn ông tên Khăm (Sơn không rõ họ tên, địa chỉ và nơi ở). Khoảng 10 giờ sáng ngày 18/11/2018, Khăm gọi điện rủ S lên thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh chơi và chuyển hộ cho Khăm một ít hàng đến Hải Phòng. S đồng ý. Ngày 19/11/2018 S đi xe khách từ nhà đến ngã 3 đường vào thị trấn Phố Châu gặp Khăm và được Khăm đặt vấn đề thuê Sơn chuyển một ba lô hàng đi Hải Phòng, đến Hải Phòng sẽ có

người nhận và trả tiền công cho Sơn là 10.000.000 đồng, chuyển hàng xong về Khăm sẽ cho thêm tiền S. Khăm chở S ra ngã 3 đường vào thị trấn Phố Châu và bảo S chờ tại đó Khăm đi lấy hàng. Một lúc sau, Khăm quay lại đưa cho Sơn một chiếc ba lô màu đen xám và số tiền 2.000.000 đồng để đi xe khách. Sơn mở ba lô ra thấy trong có một chiếc túi nilon màu đen phủ bên trên, S bỏ túi nilon ra thì nhìn thấy có mấy bọc túi nilon màu vàng quần ngoài bằng băng dính trắng có in chữ dạng chữ Trung Quốc, S biết các bọc túi nilon trong ba lô này chứa ma túy. S cất thêm 02 chiếc quần kaki của S vào trong ba lô rồi đóng lại. Khăm bảo S cứ đi đến ngã 3 Đồ Sơn, Hải Phòng sẽ có người ra nhận hàng và trả cho Sơn 10.000.000 đồng. Sau đó Khăm gọi xe taxi cho S đi về thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đến thành phố Vinh, S tiếp tục gọi xe taxi đi ra cầu vượt Yên Lý, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An để bắt xe khách đi Hải Phòng. Đến trưa ngày 20/11/2018, khi đến khu vực ngã 3 nông trường thuộc tỉnh lộ 355 giao cắt với đường đi ra Đồ Sơn thì S xuống xe bắt taxi để đi về ngã 3 Đồ Sơn, Hải Phòng. Khi Sơn vừa để ba lô chứa ma túy vào ghế sau xe taxi thì bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ.

Vật chứng: Số ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định (theo niêm phong số 616/2018/PC09), 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đen, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn S, 01 ba lô màu đen xám, 02 quần dài kaki và số tiền 3.200.000 đồng. Toàn bộ vật chứng chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Đối với xe taxi biển kiểm soát 15A-1426.69 Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định anh Nguyễn Văn Đ và chiếc xe trên không liên quan đến việc vận chuyển trái phép chất ma túy của Lê Văn S nên đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp và không xử lý đối với anh Nguyễn Văn Đ.

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKS-P1 ngày 09 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

Người bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra, truy tố và

tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn S thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Bị cáo có lời nói sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Văn S tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 20/11/2018, Lê Văn S đã có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy (gồm 4970,29 gam ma túy loại Methamphetamine và 983,04 gam ma túy loại Ketamine) từ tỉnh Hà Tĩnh đến thành phố Hải Phòng thì bị bắt quả tang. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Văn S phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước ta mà còn gây mất trị an xã hội ở địa phương; việc vận chuyển trái phép chất ma túy là một trong các nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải xét xử nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về hình phạt:* Bị cáo phạm tội vào thời điểm Bộ luật Hình sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên đến nay chưa có Nghị quyết hướng dẫn áp dụng về mức hình phạt đối với các tội ma túy nên Hội đồng xét xử căn cứ theo Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/03/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định của các Điều 139, 193, 194, 278, 279 và 289 Bộ luật Hình sự 1999 để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo Lê Văn S thực hiện hành vi vận chuyển 4970,29 gam ma túy loại Methamphetamine và 983,04 gam ma túy loại Ketamine. Căn cứ điểm c, tiểu mục 3.1, mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 40 Bộ luật Hình sự để loại bỏ bị cáo khỏi đời sống xã hội mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răn đe, nghiêm minh của pháp luật.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt một khoản tiền sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã phải chịu mức án cao nhất, bên cạnh đó bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] - *Về thu lợi bất chính:* Bị cáo vận chuyển ma túy nhằm mục đích để hưởng công 10.000.000 đồng. Bị cáo chưa đưa ma túy đến địa điểm theo yêu cầu đã bị bắt nên bị cáo chưa nhận được tiền công vận chuyển. Tuy nhiên, người đàn ông tên Khăm đã đưa cho bị cáo 2.000.000 đồng tiền để đi taxi và xe khách từ Hà Tĩnh đến Hải Phòng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng trên.

- *Về xử lý vật chứng:*

[8] Số ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định (theo dấu niêm phong số 616/2018/PC09) cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với số tiền 3.200.000 đồng của bị cáo trong đó có 2.000.000 đồng bị cáo nhận từ người đàn ông tên Khăm để đi taxi và xe khách nhằm vận chuyển trái phép ma túy nên cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Còn lại số tiền 1.200.000 đồng là tiền hợp pháp của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đen bị cáo dùng để gọi điện liên lạc với người đàn ông tên Khăm để nhận ma túy mang xuống Hải Phòng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[11] Đối với 01 chứng minh thư nhân dân số 184166067 mang tên Lê Văn S bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[12] Đối với 01 balo màu đen xám, 02 quần dài kaki (một màu xanh, một màu xám) là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội để che giấu và vận chuyển ma túy. Hội đồng xét xử nhận thấy những đồ vật trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng này.

[13] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:* Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp cát tông trên có dấu niêm phong số 616/2018/PC09; 01 balo màu đen xám và 02 quần dài kaki.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh đen và số tiền 2.000.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Lê Văn S 01 chứng minh thư nhân dân và số tiền 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đặc điểm chi tiết được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn S phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 61; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nếu bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, trong thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn